

Bản án số: 53/2018/HS-ST
Ngày: 06 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Hồng Vân.

2. Ông Nguyễn Kim Quyết.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lâm Văn Ấ; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 05/6/1998; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Con ông: Lâm Văn C (đã chết) và bà: Lê Thị H, sinh năm 1976, hiện ở đâu làm gì không rõ; Gia đình có 02 anh em cùng cha khác mẹ, bị can là con thứ 01 trong gia đình; Điều trú tại : xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa

2. Triệu Phúc S; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 07 tháng 3 năm 1992; Nơi ĐKKHKT: Bản T, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Xóm C, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Con ông: Triệu Văn L, sinh năm 1968 và bà: Triệu Thị H, sinh năm 1968; có vợ là: Thân Thị Th, sinh năm 1988 và có 01 con, sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Lâm Văn Đ, sinh năm 1974, có mặt.

Địa chỉ: Xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Anh Chu Văn G, sinh năm 1993. (Có mặt).

2. Chị Lâm Thị Ng, sinh năm 1996. (Có mặt).

Trú tại: Xóm L, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Người có quyền lợi liên quan:

Anh Dương Minh T, sinh năm 1985, (Vắng mặt).

Trú tại: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu sài cá nhân, ngày 28/12/2017, Lâm Văn Á (sinh năm 1998, trú quán xóm V, xã V, huyện Đ) khi đang ở Nghệ An, Á gọi điện cho Triệu Phúc S (sinh năm 1992, trú quán: Bản T, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang) bàn bạc về việc sẽ mượn xe của ông Lâm Văn Đ để mang đi thế chấp lấy tiền tiêu sài cá nhân và S tìm nơi để thế chấp xe. Ngày 02/01/2018, Á về nhà thuộc xóm V, xã V, huyện Đ và gọi điện thông báo cho S là đã về đến nhà, S hỏi có mượn được xe của ai không thì Á nói từ từ để xem đã. Ngày 03/01/2018, S gọi điện cho Á hỏi đã lấy được xe của ai chưa thì Á trả lời “chưa, để xem đã”. Đến sáng ngày 04/01/2018, S lại tiếp tục gọi điện cho Á để hỏi về việc mượn xe, Á nói “bây giờ em sang mượn”. Sau đó, Á đi sang nhà ông Lâm Văn Đ, ở xóm V, xã V, huyện Đồng Hỷ nhưng không mượn được xe nên đến 15h cùng ngày, Á cầm theo sổ hộ khẩu của gia đình đến nhà ông Đ. Khi đến nhà ông Đ chỉ có anh Chu Văn G (con rể ông Đ) và chị Lâm Thị Ng (con gái ông Đ) ở nhà, Á hỏi mượn chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 20F1-111.34, loại xe YAMAHA, nhãn hiệu SIRIUS nói dối là để lên Ủy ban nhân dân xã làm giấy chứng minh nhân dân. Sau khi mượn được xe Á đi về nhà cất sổ hộ khẩu rồi gọi điện báo cho S và hẹn gặp S ở ngã ba Hợp Tiến gần Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến. Khi gặp nhau, S dẫn Á đến một quán sửa xe ở xóm Đồn Trình, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ thế chấp, nhưng chủ quán trả 2.000.000 đồng nên Á và S không thế chấp mà mang đến quán của anh Dương Minh T (sinh năm 1978, trú quán xóm C, xã T, huyện Phú Bình) và nói dối anh T là xe của bố Á để thế chấp với giá 3.000.000 đồng và Á viết giấy ký gửi xe ký tên là Lâm Văn C hẹn 15 ngày sau đến lấy xe và trả tiền. Khi đó, anh T đưa cho Á 2.750.000 đồng, còn 250.000 đồng là tiền lãi. Sau đó, Á cho S 400.000 đồng. Số còn lại Á đã tiêu sài cá nhân hết.

Đến ngày 07/01/2018, không thấy Á mang xe về trả nên anh Chu Văn G và ông Lâm Văn Đ có đơn trình báo đến cơ quan công an về sự việc như trên.

Tại bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đồng Hỷ số 04/ĐGTSHS ngày 29/01/2018, định giá chiếc xe mô tô tại thời điểm ngày 04/01/2018 là 10.900.000 đồng (Mười triệu chín trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Lâm Văn Á bỏ trốn đến ngày 18/4/2018 bị bắt theo Quyết định truy nã số 04 ngày 22/3/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

huyện Đồng Hỷ, còn Triệu Phúc S bị bắt ngày 05/3/2018 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 07 ngày 28/02/2018.

Tại cơ quan điều tra, A và S khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Lời nhận tội của hai bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan và các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 07/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, BKS 20F1-11134, màu vàng đen, đã qua sử dụng cho ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1974, trú quán xóm V, xã V, huyện Đ là chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Anh Dương Minh T yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại là 2.750.000 đồng. Đến nay, cả hai bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKSDH ngày 31/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lâm Văn A và Triệu Phúc S về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 174 BLHS. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lâm Văn A và Triệu Phúc S phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 174 BLHS.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS:

- Xử phạt bị cáo Lâm Văn A từ 12 đến 15 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2018; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Triệu Phúc S từ 9 đến 12 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2018; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, buộc bị cáo Lâm Văn A phải bồi thường cho anh Dương Minh T số tiền: 2.750.000đ. Người bị hại là anh Lâm Văn Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên không xem xét.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận các bị cáo, người bị hại không tranh luận với bản luận tội của VKS. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Để có tiền tiêu sài cá nhân, từ ngày 28/12/2017 đến ngày 04/01/2018, Lâm Văn A và Triệu Phúc S bàn bạc với nhau qua điện thoại về việc mượn xe mang đi thế chấp lấy tiền tiêu sài, A là người tìm xe để mượn còn S là người sẽ tìm địa điểm thế chấp xe. Vào hồi 15 giờ ngày 04/01/2018, tại xóm Vân Hòa, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, A đã lừa đảo chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, BKS 20F1-11134, màu vàng đen, giá trị 10.900.000đ (Mười triệu chín trăm nghìn đồng) của anh Lâm Văn Đ. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe, A và S đã mang xe đi thế chấp cho anh

Dương Minh T với giá 2.750.000 đồng. Sau khi thể chấp xe, A đưa cho S 400.000 đồng và cả hai đã tiêu sài hết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lâm Văn A và Triệu Phúc S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi liên quan và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy, việc truy tố để xét xử đối với các bị cáo về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Nội dung điều luật quy định như sau:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị các cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an ở địa phương, cả hai bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, có thái độ tỏ ra ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào quy định tại Điều 52 BLHS.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi liên quan là anh Dương Minh T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 2.750.000đ, Tại phiên tòa bị cáo Lâm Văn A cam kết có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền 2.750.000đ cho anh T. Do bị cáo A chưa bồi thường ngay nên cần buộc bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật; Về hình phạt, người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo. Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định. Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Đối với Dương Minh T, qua điều tra xác định Dương Minh T nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 20F1- 111.34 do A và S mang đến nhưng T không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do A và S lừa đảo mà có nên không xem xét xử lý đối với Dương Minh T.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Lâm Văn Â và Triệu Phúc S phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174, Điều 17 BLHS; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS:

- Xử phạt Lâm Văn Â: 12 (mười hai) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2018. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Xử phạt Triệu Phúc S: 09 (chín) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2018. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ vào Điều 329 BLTTHS: Quyết định tạm giam các bị cáo Lâm Văn Â và Triệu Phúc S 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 589 và Điều 357 BLDS buộc bị cáo Lâm Văn Â phải bồi thường cho anh Dương Minh T số tiền: 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

- Buộc bị cáo Lâm Văn Â phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

- Buộc bị cáo Triệu Phúc S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh TN;
- Sở tư pháp TN;
- Các bị cáo; Bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Minh Tuấn

